

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/DS-PT
Ngày: 27 – 7 – 2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự - hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Nguyễn Hồng Thanh**
- *Các Thẩm phán:* **Ông Dương Quốc Tuấn**

Ông Võ Thái Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Cao Kiều Trinh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:* **Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 66/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự - hui*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1958;

Ông Liên Văn H, sinh năm 1961 (chồng bà T);

Địa chỉ: Ấp 7, xã A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp 7, xã A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người làm chứng:*

3.1 Bà Nguyễn Thị H2;

3.2 Bà Hồ Thị M1;

3.3 Bà Trần Thị H3;

3.4 Bà Trần Kim L;

3.5 Bà Trần Thị Đ;

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị H1

(Các đương sự có mặt, những người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/4/2021 và quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị T và ông Liên Văn H trình bày:

Vào ngày 01/5/2020 (âl) bà T, ông H có mở dây hội 2.000.000 đồng/tháng, hội có 19 phần, thỏa thuận khai hội ngày 01 âm lịch hàng tháng, đến ngày 05 âm lịch chung hội cho người hót hội, dây hội này bà H1 tham gia 03 phần, trong danh sách chơi hội ghi tên Chị suôi mới, cụ thể:

- Phần thứ nhất bà H1 đóng hội sống được 01 lần với số tiền 1.680.000 đồng, đến lần thứ hai bà H1 hót hội được 30.730.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 15 lần hội chết với số tiền 30.000.000 đồng.

- Phần thứ hai bà H1 đóng hội sống được 02 lần, đến lần thứ ba bà H1 hót hội được 30.250.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 15 lần hội chết với số tiền 30.000.000 đồng.

- Phần thứ ba bà H1 đóng hội sống được 04 lần với số tiền 8.000.000 đồng, phần hội này bà H1 chưa hót.

Đối với phần hội thứ nhất và thứ hai bà H1 còn nợ 15 lần hội chết x 2.000.000 đồng x 02 phần = 60.000.000 đồng.

Phần thứ ba bà H1 đóng hội sống được 04 lần với số tiền 8.000.000 đồng. Sau khi cần trừ thì bà H1 còn nợ bà 52.000.000 đồng (60.000.000 – 8.000.000 = 52.000.000 đồng). Bà T, ông H yêu cầu bà H1 trả số tiền hội còn nợ 52.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2021, biên bản hòa giải ngày 23/6/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Vào năm 2020 bà có tham gia 03 phần hội 2.000.000 đồng do bà T và ông H làm chủ. Bà đã hót 02 phần, còn nợ lại 15 lần hội chết x 02 chân x 2.000.000 đồng = 60.000.000 đồng. Phần hội sống bà đóng được 04 lần với số tiền 8.000.000 đồng, sau khi cần trừ thì bà còn nợ bà T ông H số tiền 52.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà T, ông H số tiền 52.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó bà H1 thay đổi lời khai, không thống nhất và không chấp nhận có nợ tiền của bà T, ông H số tiền 52.000.000 đồng, vì bà không hề mượn tiền hay vay nợ tiền của bà T, ông H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 08/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T, ông Liên Văn H.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị T và ông Liên Văn H số tiền hội còn nợ là 52.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/4/2022, bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, ông Liên Văn H buộc bà trả tiền tiền nợ 52.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà T, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn bà H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà không có tham gia hội và nợ tiền hội do bà T, ông H làm chủ hội, yêu cầu ông H, bà T phải có chứng từ chứng minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

- *Về chấp hành pháp luật tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/4/2022, bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1]. Nguyên đơn ông Liên Văn H, bà Lê Thị T cho rằng: Ngày 01/5/2020 (âm lịch), vợ chồng ông, bà có mở dây hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai hội một lần, có 19 phần tham gia, trong đó bị đơn bà Nguyễn Thị H1 tham gia 03 phần. Dây hội này bà H1 đã hót hai phần vào kỳ mở hội thứ hai và thứ ba. Bà H1 đóng hội sống và hội chết đến lần thứ tư thì ngưng đóng hội. Đối với hai phần hội chết bà H1 còn nợ 15 lần hội chết chưa đóng với số tiền là: $2.000.000\text{đ} \times 15 \times 2 = 60.000.000$ đồng, đối với phần hội chưa hót bà H1 đóng được 04 lần hội sống, tính thành tiền là 8.000.000 đồng nên bà H1 còn nợ lại số tiền 52.000.000 đồng. Tại Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân thị xã M, bà H1 thừa nhận “*Vào năm 2020 có tham gia 03 phần hội 2.000.000 đồng/tháng do bà T và ông H làm chủ. Tôi hót 02 chân hội chết còn nợ lại 15 lần hội chết x 02 chân x 2.000.000 đồng = 60.000.000 đồng. Chân hội sống bà đóng được 04 lần với số tiền 8.000.000 đồng. Sau khi cấn trừ thì bà còn nợ bà T ông H 52.000.000 đồng. Tôi đồng ý trả cho bà T, ông H số tiền 52.000.000 đồng*” (Bút lục 13, 20). Trên cơ sở thống nhất giữa nguyên đơn và bị đơn, Tòa án nhân dân thị xã M đã lập Biên bản hòa giải thành, tuy nhiên ngày 24/6/2021 bà H1 nộp đơn

thay đổi ý kiến, không thống nhất và không chấp nhận có nợ tiền bà T, ông H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 cho rằng bà có tham gia phiên giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M ngày 23/6/2021, nhưng ngày 24/6/2021 bà đã có văn bản thay đổi ý kiến. Bà H1 xác định không có tham gia hội và nợ tiền hội như yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

[2.2]. Xét thấy, bà H1 cho rằng không có tham gia dây hội tháng 2.000.000 đồng mở hội ngày 01/5/2020 (âm lịch) do bà T, ông H làm chủ hội. Tuy nhiên, quá trình tham gia giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm như đã nhận định ở mục [2.1] thì bà H1 thừa nhận có tham gia dây hội nêu trên và còn nợ số tiền 52.000.000 đồng, phù hợp với yêu cầu khởi kiện và trình bày của nguyên đơn. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì lời thừa nhận của bà H1 là những tình tiết, sự kiện không cần thiết buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh. Hơn nữa, lời thừa nhận của bà H1 cũng phù hợp với lời khai của những người có tham gia cùng dây hội là bà Trần Thị Đ, Trần Kim L, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị H2, Trần Thị H3 đều xác định khi tham gia hội và hốt hội thì bà T, ông H đều có thông báo với hội viên là bà H1 có tham gia và hốt hội; phù hợp với danh sách hội do nguyên đơn cung cấp thể hiện tên của bà H1 tham gia là “Chị suôi mới” với 03 phần hội.

[2.4] Xét giao dịch hội giữa nguyên đơn bà Lê Thị T, ông Liên Văn H và bị đơn bà Nguyễn Thị H1, thì nguyên đơn có lập danh sách hội để chủ hội và các thành viên theo dõi, không có xác nhận của bị đơn, cũng như của các hội viên khác. Việc chi trả tiền cho hội viên hốt hội cũng như thành viên đóng hội cũng đều không có làm giấy tờ. Tuy bà T, ông H trình bày số tiền chưa phù hợp nhưng việc tham gia hội và nợ tiền hội của bà H1 theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được bị đơn thừa nhận, phù hợp với lời khai của những người tham gia cùng dây hội. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 16, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường để buộc bà H1 phải trả cho vợ chồng bà T, ông H số tiền hội còn nợ 52.000.000đ là có căn cứ. Bà H1 kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bà H1.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 08/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Áp dụng:

- Điều 471, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biểu, phường.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T, ông Liên Văn H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị T và ông Liên Văn H số tiền hui còn nợ là 52.000.000 đồng (*năm mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Lê Thị T, ông Liên Văn H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải chịu là 2.600.000 đồng (*hai triệu sáu trăm ngàn đồng*).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H1 đã nộp theo biên lai số 0004242 ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang thành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã M;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh